

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST

Ngày 11/8/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Miên và ông Lê Đình Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Trong ngày 11/8/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tống Thị C, địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Bà Võ Thị L, địa chỉ: Số 07 đường Phan Đình P, tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Tống Thị C trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 27/7/2019 âm lịch (tức ngày 27/8/2019), bà có cho bà Võ Thị L vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Khi cho vay tiền, bà là người viết Giấy biên nhận và bà Võ Thị L ký tên dưới mục “Người viết giấy”. Việc cho vay không thỏa thuận lãi suất, không thế chấp tài sản gì, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 27/12/2019 (âm lịch) là bà Lê sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho bà.

Tuy nhiên, sau khi bà Lê nhận tiền và từ đó đến nay bà L chưa trả cho bà số tiền nào. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

* Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Võ Thị L vắng mặt nên hồ sơ không có lời khai, ý kiến của bà L.

* Vụ án thuộc trường hợp đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Tổng Thị C khởi kiện bà Võ Thị L tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà C là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[1.2] Bà Võ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Tổng Thị C yêu cầu bà Võ Thị L trả 40.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bà C cung cấp chứng cứ là 01 tờ giấy biên nhận đề ngày 27/7/2019 âm lịch (bản gốc, viết tay trên giấy học sinh), ký tên người viết giấy Võ Thị L (Bút lục số 08).

[2.2] Có đủ căn cứ để nhận định: Ngày 27/7/2019 âm lịch, bà L có vay của bà C 40.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 27/12/2019 âm lịch là sự thật. Bà C yêu cầu bà L trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà C và bà L là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có thỏa thuận lãi suất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ, cần áp dụng các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự buộc bà L trả cho bà C 40.000.000 đồng nợ gốc.

[3] Về án phí: Buộc bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tổng Thị C.

1. Buộc bà Võ Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Tổng Thị C 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nợ gốc.

2. Về án phí: Buộc bà Võ Thị L chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Bà Tổng Thị C không phải chịu án phí, trả lại cho bà C 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006708 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Về các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng